

Thanh Miện, ngày 12 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CÁC KHOẢN THU, ĐÓNG GÓP NĂM HỌC 2025 – 2026

Căn cứ nghị quyết 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2014 của UBND tỉnh Hải Dương “V/v quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương”;

Công văn liên ngành số 6126/SGDDĐT-KHTC ngày 29/08/2025 của liên Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hải Phòng hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hải Phòng,

Căn cứ công văn 1031/HPH_Ktr4 ngày 10/09/2025, Về việc chính sách thuế đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo,

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường năm học 2025 - 2026. Trường THCS Nguyễn Lương Bằng lập kế hoạch và dự toán Thu - Chi các khoản thu, đóng góp của nhà trường năm học 2025 - 2026 cụ thể như sau:

I. Hợp thống nhất chủ trương về kế hoạch thu, dự kiến nội dung chi, mức thu các khoản thu trong nhà trường.

1. Các khoản thu quy định tại các văn bản

Thu Bảo hiểm y tế

- Mức thu: 52.650 đồng/1 tháng/1 học sinh mua BHYT
- Tổng thu: Từ tháng 01/2026 đến tháng 12 năm 2026
- Mua BHYT năm 2026: 52.650 đồng / 1 tháng / 1HS x 12 tháng = 631.800 đồng / 1HS/1 năm

- Nội dung chi:

+ Chi nộp 100% về Bảo hiểm xã hội.

2. Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục được quy định tại Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương, Theo công văn số 6126 SGDDĐT-STC ngày 29/08/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hải Phòng hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng

2.1. Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh

- Dự kiến mức thu: 677 học sinh x 25.000 đồng/tháng/HS x 9 tháng = 152.325.000 đồng.

- Nội dung chi:

+ Nộp 2% thuế TNDN và 5% thuế GTGT: 10.662.750 đồng

Số còn lại sau khi nộp thuế: 141.662.250 đồng chi như sau:

+ Tiền công người lao động 80% số tiền thu được là: 12.592.200 đồng/ 1 người/ tháng x 9 tháng = 113.329.800 đ



+ Tiền dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn 20% số tiền thu được là: 3.148.050 đồng /tháng x 9 tháng = 28.332.450đ

- Thu đủ bù chi.

2.2 Dịch vụ bán trú:

a) Tiền bữa ăn;

-Thu tiền bữa ăn : 20.500 đ / 1 HS / 1 bữa

-Nộp 2 % thuế TNDN: 410 đồng

-Số tiền còn lại: 20.090 đồng (Chi trả 100% số tiền bữa ăn cho nhà cung cấp lương thực, thực phẩm, gia vị)

- Thu đủ bù chi.

b) Tiền chăm sóc và phục vụ bán trú :

-Khối 9:

Ăn từ 12 bữa trở lên : 170.000 đồng

Ăn từ 1 đến 11 bữa : 14.000 đồng / 1 bữa

-Khối 6,7,8

Ăn từ 12 bữa trở lên : 160.000 đồng

Ăn từ 1 đến 11 bữa : 13.000 đồng / 1 bữa

Chi: + Nộp 2% thuế TNDN và 5% thuế GTGT số còn lại chi:

Chi trả công nấu ăn 3 người: 32,5%, Công trông trưa và hỗ trợ các hoạt động bán trú: 41,5%, Công chăm ăn, xếp phòng ngủ, phân trực: 6%, công quản lý bán trú 20% (trong tổng số tiền chăm sóc và phục vụ bán trú thu được 1 tháng)

- Thu đủ bù chi.

c) Tiền phụ phí:

-Khối 6,7,8, 9:

Ăn từ 12 bữa trở lên : 40.000 đồng

Ăn từ 1 đến 11 bữa : 3.300 đồng / 1 bữa

Chi: + Nộp 2% thuế TNDN và 5% thuế GTGT số còn lại chi:

Chi trả khoảng: 35% tiền điện, 5% tiền nước, 50% trả tiền ga, 10 % trả tiền mua nước tẩy rửa.

- Thu đủ bù chi.

d) Tiền trang thiết bị phục vụ bán trú: (Đối với học sinh ăn lần đầu ăn bán trú / cả khóa học)

Dự kiến thu:

Khối 6: 112 em x 200.000 đồng = 22.400.000 đồng

Khối 7: 10 em x 150.000 đồng = 1.500.000 đồng

Khối 8: 25 em x 100.000 đồng = 2.500.000 đồng

Khối 9: 2 em x 50.000 đồng = 100.000 đồng

Tổng dự kiến thu: 26.500.000 đồng

Dự kiến chi bổ sung trang thiết bị phục vụ bán trú:

+ Nộp 2% thuế TNDN và 5% thuế GTGT: 1.855.000 số còn lại chi:

-Mua khay: 100 cái x 125.000 đồng = 7.000.000 đồng

-Mua ca: 120 cái x 5.000 đồng = 600.000 đồng

-Mua thìa: 240 cái x 5.000 đồng = 480.000 đồng

-Mua máy thái củ quả: 1 cái x 13.420.000 đồng = 13.420.000 đồng

-Mua ccdc nhà bếp (xoong, nồi, chảo, rá,...): = 3.145.000 đồng

Tổng chi bổ sung trang thiết bị bán trú: 24.645.000 đồng



